

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 19/12/2021.
(Từ 17h00 ngày 18/12/2021 đến 17h00 ngày 19/12/2021)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Tích lũy	Ra viện	DTTS	Tử vong	Nơi phát hiện (trong ngày)			
							Khu phong tỏa	Khu cách ly/CLTN	Cộng đồng	Sàng lọc
1	TP.BMT	15	2681	2313	705	21	0	4	10	1
2	H. Lắk	61	390	208	307	0	61	0	0	0
3	H. Krông Bông	2	231	195	90	0	0	0	0	2
4	H. Krông Buk	0	892	809	782	6	0	0	0	0
5	H. Ea H'Leo	5	519	358	108	1	0	3	2	0
6	H. Krông Pắc	6	420	300	93	2	0	0	5	1
7	H. Krông Ana	33	536	320	223	0	0	6	27	0
8	H. Cư M'Gar	0	1231	851	644	7	0	0	0	0
9	H. Ea Súp	2	179	99	90	1	0	0	2	0
10	H. M'Đrăk	3	113	48	39	0	0	3	0	0
11	H. Krông Năng	0	361	298	250	1	0	0	0	0
12	H. Ea Kar	4	283	222	77	0	0	1	3	0
13	H. Buôn Đôn	2	199	130	65	0	0	1	0	1
14	H. Cư Kuin	3	715	562	468	3	0	1	1	1
15	TX. Buôn Hồ	3	1297	1087	596	15	0	3	0	0
TỔNG		139	10047	7800	4537	57	61	22	50	6

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tính đến ngày 19/12/2021 ghi nhận **10.047** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **7.800** trường hợp xuất viện; **57** trường hợp tử vong (02 trường hợp tử vong trong ngày), hiện còn điều trị **2.190** trường hợp.

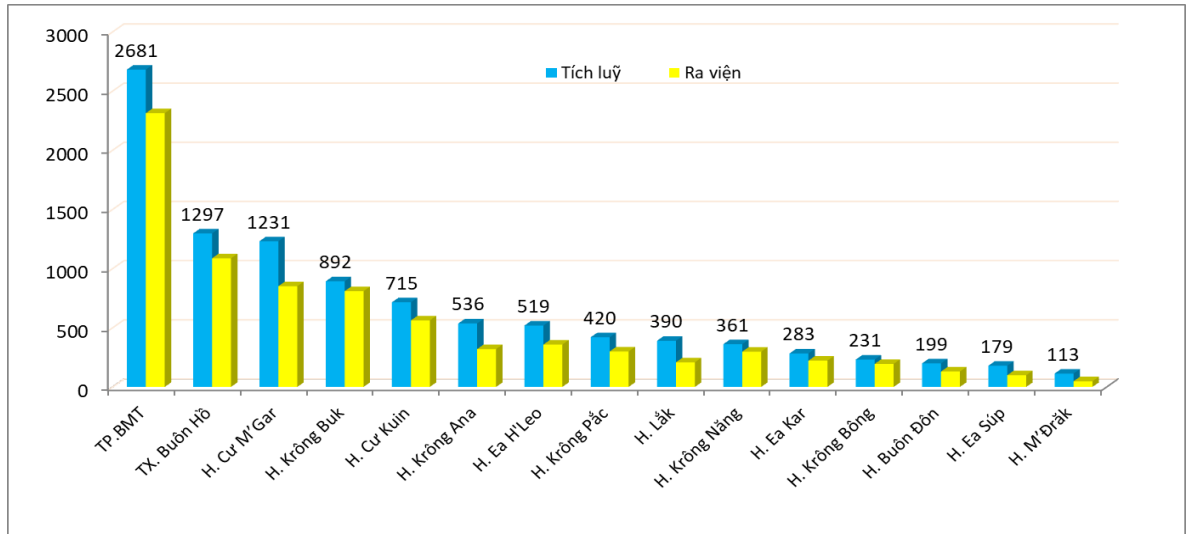
- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **45,2%** số ca mắc

- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **537,5/100.000** dân

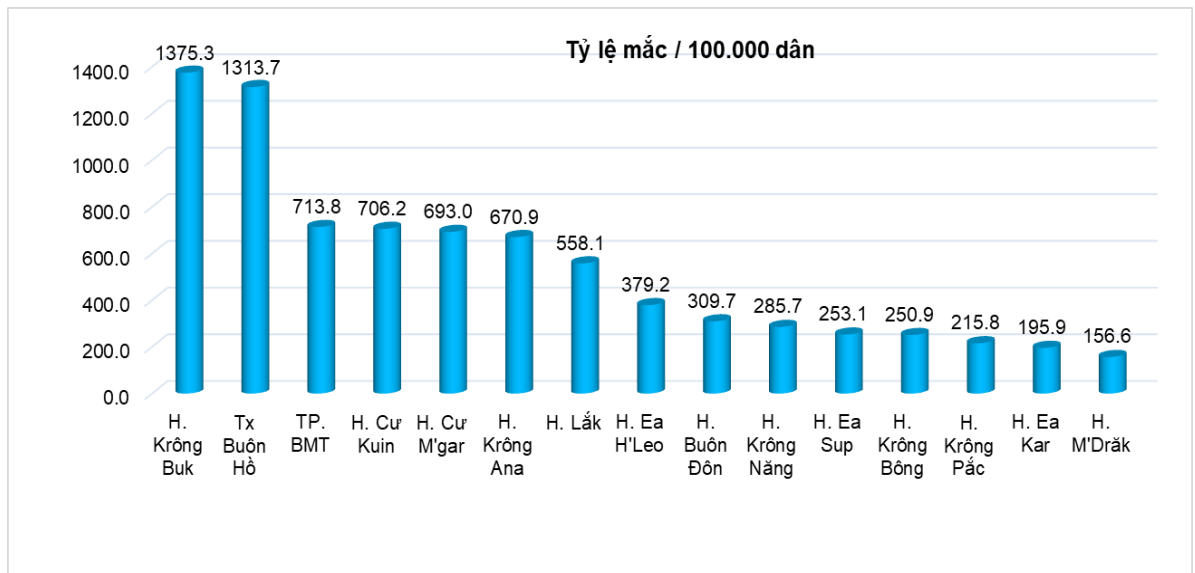
- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

- Chi tiết một số chùm ca bệnh (theo phụ lục 1)

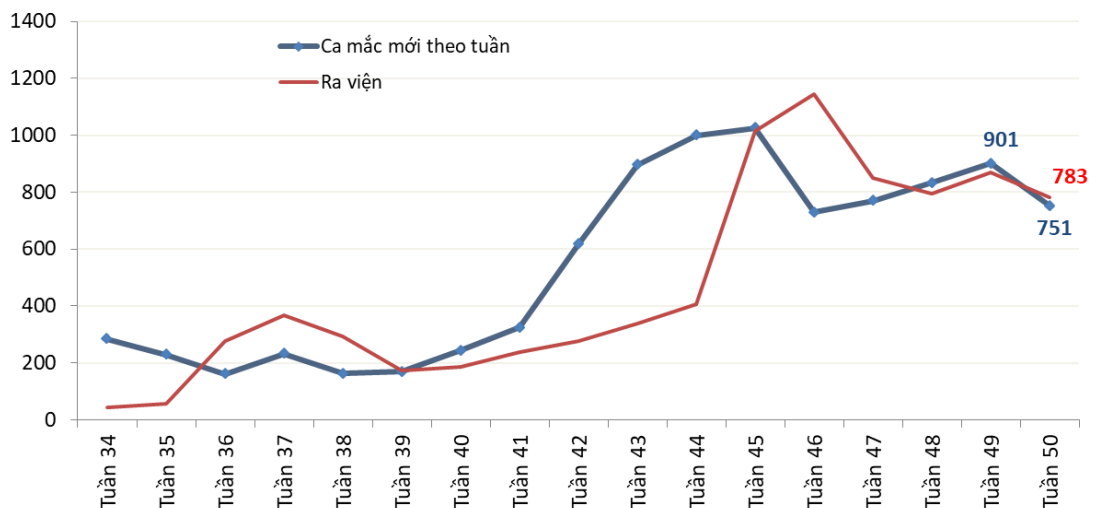
- Một số biểu đồ dịch tuần 50



Biểu đồ 1: Số ca mắc và ra viện tại các huyện/thị xã/ thành phố



Biểu đồ 2: Tỷ lệ mắc/100.000 dân tại các huyện/thị xã/ thành phố



Biểu đồ 3: Số ca mắc và ra viện theo tuần tại tỉnh

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly	Mới	Tích lũy	Còn cách ly
1	Tuyên tỉnh	0	5429	75			
2	TP.BMT	24	2715	85	133	31475	2161
3	TX. Buôn Hồ	1	2157	80	79	11185	813
4	H. Ea H'Leo	2	1065	18	31	14370	688
5	H.Krông Năng	0	515	0	13	17065	455
6	H. Cư M'Gar	14	1252	66	44	23210	837
7	H. M'Đrăk	5	713	23	65	8492	1148
8	H. Ea Kar	13	7113	134	80	12439	850
9	H. Krông Pắc	15	986	52	71	26394	1543
10	H. Krông Bông	0	1634	26	173	14243	1329
11	H. Krông Ana	30	2048	50	49	13261	583
12	H. Cư Kuin	0	1550	0	130	12792	551
13	H. Lắk	0	1905	39	44	5060	470
14	H. Buôn Đôn	0	737	37	50	7730	586
15	H. Ea Sup	0	1298	10	38	9864	500
16	H. Krông Buk	2	3535	13	10	9256	98
	TỔNG	106	34652	708	1010	216836	12612

b) Khu vực phong tỏa:

- Số khu vực phong tỏa: 296 khu vực; đã giải tỏa: 255 khu vực
- Còn lại: 41 khu vực đang phong tỏa.

(Cập nhật chi tiết tại đường link <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1FToKXiONnwUTEK7VqfBp22Rf71yBI7lxSDYjd2ZWtqo/edit#gid=644602066>)

c) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP từ 27/4 đến nay

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Tích lũy
1	TP.BMT	0	66	19817
2	TX. Buôn Hồ	58	13	6894
3	H. Ea H'Leo	41	24	8645
4	H. Krông Năng	8	13	17148
5	H. Cư M'Gar	30	31	13093
6	H. M'Đrăk	19	8	3686
7	H. Ea Kar	-	103	13778
8	H. Krông Pắc	670	321	47891
9	H. Krông Bông	27	22	6591
10	H. Krông Ana	22	35	6376
11	H. Cư Kuin	29	35	5269
12	H. Lắk	6	0	3847
13	H. Buôn Đôn	0	0	4283
14	H. Ea Sup	18	13	4547
15	H. Krông Buk	-	0	2983
	TỔNG	928	684	164848

d) Tình hình công dân vùng dịch phía Nam trở về từ ngày 02/10-19/12¹

TT	Địa phương	Tổng	Tình hình tiêm vắc xin			F0 đã khỏi	Dương tính
			Tiêm mũi 1	Tiêm 2 mũi	Chưa tiêm		
1	TP.BMT	1502	448	883	171	100	7
2	TX. Buôn Hồ	3063	765	1656	642	158	35
3	H. Ea H'Leo	2460	868	706	886	93	2
4	H. Krông Năng	5103	1613	2182	1308	0	1
5	H. Cư M'Gar	4807	1730	1617	1460	327	26
6	H. M'Đrăk	1631	438	799	394	97	38
7	H. Ea Kar	5539	1713	2330	1496	401	95
8	H. Krông Pắc	9137	2678	3647	2812	0	64
9	H. Krông Bông	3070	939	1218	913	547	37
10	H. Krông Ana	3466	898	1644	924	210	10
11	H. Cư Kuin	2598	840	984	774	164	18
12	H. Lắk	1325	558	193	574	140	121
13	H. Buôn Đôn	2031	630	868	533	175	30
14	H. Ea Sup	2200	803	614	783	152	29
15	H. Krông Buk	1012	305	297	410	121	10
16	Khu CLTT tỉnh	493	186	19	288	18	15
	TỔNG	49437	15412	19657	14368	2703	538
	Tỷ lệ		31.2	39.8	29.1	5.5	1.1

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	0	0	50642	312					
2	TP.BMT	300	64	182442	2141	163	38	14796	2682	163
3	TX. Buôn Hồ	42	1	62990	879	53	3	20697	1298	95
4	H. EaH'Leo	6	2	39537	471	0	5	8473	543	0
5	H.Krông Năng	3	0	15704	319	0	0	2052	362	0
6	H. Cư M'Gar	53	0	101327	938	22	21	12388	1271	22
7	H. M'Đrăk	381	2	44150	101	408	3	4377	111	484
8	H. Ea Kar	102	7	36123	209	245	7	7216	286	0
9	H. Krông Pắc	290	10	53236	244	43	7	6531	426	0
10	H.Krông Bông	62	0	37477	201	0	2	13585	232	0
11	H. Krông Ana	244	12	26675	559	32	34	2624	536	0
12	H. Cư Kuin	72	3	54673	392	3	7	10109	715	0
13	H. Lắk	150	48	36320	412	300	64	3561	390	300
14	H. Buôn Đôn	78	0	25980	143	45	2	5686	214	0
15	H. Ea Sup	0	0	27546	120	3	3	3946	190	0
16	H. Krông Buk	0	0	43190	580	20	0	9404	893	10
	TỔNG	1783	149	838012	8021	1337	196	125445	10149	1074

¹ Theo thống kê báo cáo của Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố.

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19:

a) Số vắc xin đã nhận:

	Loại vắc xin	Vắc xin nhận	Số mũi tiêm thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	AstraZeneca	714.950	653.798	91,4
2	Comirnaty	948.228	660.119	69,6
3	Moderna	61.320	62.687	102,2
4	Sinopharm	990.240	980.896	99,1
TỔNG		2.714.738	2.357.500	86,8

b) Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Số tiêm trong ngày		Cộng dồn			
			Mũi 1	Mũi 2	Mũi 1		Mũi 2	
					Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)
1	ĐT 18 tuổi trở lên	1.263.947	147	5.194	1.212.647	95,9	849.555	67,2
2	ĐT từ 50 tuổi trở lên	361.984	0	210	322.205	89,0	186.011	51,4
3	ĐT từ 65 tuổi trở lên	103.549	0	79	87.821	84,8	51.301	49,5
4	PNCT $\geq$ 13 tuần	22.934	0	34	21.154	92,2	11.476	50,0
5	TE 15-17 tuổi	76.114	0	0	77.843	102,3	119	0,2
6	TE 12-14 tuổi	128.048	8.380	0	49.653	38,8	121	0,1

5. Công tác điều trị trong ngày

a) Tình hình biến động bệnh nhân trong ngày

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	739	699	50	3		87	0
2	BV Dã chiến 02	1500	486	482	38	0		42	0
3	TTYT Krông Búk	230	196	200	15	0	0	11	0
4	BV khu vực 333	300	120	99	2	0	0	23	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	100	72	67	4	1	0	9	0
6	BVĐK Vùng TN	92	55	58	5	0	0	0	2
Tổng		3222	1668	1605	114	4	0	172	2

- Tổng số bệnh nhân COVID-19: 10.047 trường hợp. trong đó có 7.800 trường hợp ra viện. 57 trường hợp tử vong. hiện còn điều trị 2.190 trường hợp.

b) Phân loại tình trạng bệnh nhân**- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n=1.605)**

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	371	328	0	0	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	325	157	0	0	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	179	21	0	0	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	32	65	2	0	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	0	59	7	0	0	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	10	33	6	6	3		0	1	0
	Tổng	917	663	15	6	3	0	0	1	0
	Tỷ lệ %	57.1	41.3	0.9	0.4	0.2	0.0	0.0	0.1	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n=1.605)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	699	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	482	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	200	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	99	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	59	7	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	43	10	1	1	4	0
	Cộng	1582	17	1	1	4	0
	Tỷ lệ %	98.6	1.1	0.1	0.1	0.2	0.0

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều 310 nhân lực/ tổng 1.496 lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (Chi tiết tại phụ lục 2).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 ngày 19/12/2021 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục 1: CHI TIẾT CÁC CHÙM CA BỆNH

TT	Chùm ca bệnh	F0	F1	F2
1	Chùm ca bệnh tại buôn Kli A, Đat Hiếu, Buôn Hồ	98	55	-
2	Chùm ca bệnh tại phường Thống Nhất, Buôn Hồ	61	26	-
3	Chùm ca bệnh tại Buôn Tah A, Tah B - xã Ea Drong, Cư M'gar	63	50	20
4	Chùm ca bệnh tại Xã Ea Drong, Cư M'Gar	30	200	100
5	Liên quan Fo Y Per Kbuôr MS 910255 tại Ea Mta, Ea Bhôk, Cư Kuin, (Fo đầu là Y Kroh Nir, Xã Hòa Thắng, BMT). Chưa rõ nguồn lây	47	-	-
6	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Kbuôr, buôn Ađrong Diết - xã Cư Pong, Krông Búk	89	200	100
7	Liên quan chùm ca bệnh Buôn Ea Klok, Cư Pong, Krông Búk.	69	100	80
8	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Wik, Ea Hồ, Krông Năng, Fo Y Thiệp Niê BN937682	232	-	-
9	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1,4,7,8, 3 xã Cư Ebur, BMT	117	-	-
10	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Kniêr, Xã Tân Tiến, Krông Pắc	12	-	-
11	Liên quan chùm ca bệnh Fo Phạm Thị Gụ BN919817 tại Buôn Trung, Cư Bông, Ea Kar	22	-	-
12	Liên quan chùm ca bệnh Buôn Tong Lĩa, buôn Kđoh- xã Ea Tar, Cư M'Gar	33	100	50
13	Liên quan đến bệnh nhân H Lich Mlô, Y Quân Mlô tại Buôn Đrao, Xã Dliê Mnông, Cư M'Gar	46	-	-
14	Liên quan chùm ca bệnh Buôn Ea Liăng, xã Cư Pong, Krông Buk	13	100	60
15	Liên quan chùm ca bệnh Buôn Kô Tam, xã Ea Tu, BMT	50	-	-
16	Liên quan Fo H Blanh Niê, Buôn Bling, Cư M'Gar. Lây thành chùm ca bệnh buôn Trấp, Cư Mgar	144	-	-
17	Liên quan Fo H Sa Ra Bkrông, BN 1036558 chưa rõ nguồn lây, ghi nhận tại Buôn Bàng, Đăk Liêng, Lăk	33	-	-
18	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 14, xã Cư Kbang, Ea Súp	58	-	-
19	Liên quan chùm ca bệnh Công ty SMC, Ea Nam, Ea H'leo	36	-	-
20	Liên quan chùm ca bệnh Buôn Mùi 1, xã Cư Né, Krông Búk	25	-	-
21	Liên quan chùm ca bệnh chưa rõ nguồn lây tại 215A Y Wang ,Bánh mì Sài Gòn, BMT	20	-	-
22	Chùm ca bệnh tại Buôn Knia 1, Knia 2, Ea Bar, Buôn Đôn	23	-	-
23	Liên quan đến chùm ca bệnh TDP 5, Phường Đoàn Kết, Buôn Hồ	16	-	-
24	Liên quan đến chùm ca bệnh Buôn Tung, xã Ea Drông	14	-	-
25	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại thôn Nam Hòa, Xã Dray Bhang, Cư Kuin.	8	-	-
26	Liên quan chùm ca bệnh chưa rõ nguồn lây. Fo Dương Long Ayun BN1047389 tại Ea Mnang, Cư M'Gar	18	-	-
27	Liên quan bệnh nhân Vũ Trần Đức Minh BN1268349 trở về từ Bình Dương, tại buôn Ko Neh, Cuôr Đăng, Cư M'Gar	6	-	-
28	Liên quan đến chùm ca bệnh Lò gạch xã Ea Bông, Krông Ana. Lây sang chùm ca bệnh tại Buôn Rung, TT Buôn Trấp	91	-	-
29	Liên quan chùm ca bệnh Chợ TT Quảng Phú, huyện Cư M'Gar	91	50	-
30	Chùm ca bệnh tại thôn 13, Pong Drang, Krông Buk	17	-	-
31	Liên quan Fo Nguyễn Thị Cẩm Hồng về từ Bình Dương tại thôn 5, Ea H'Leo	16	-	-
32	Liên quan Fo Hoàng Văn Huân chưa rõ nguồn lây trong cộng đồng, tại Ea Puk, Krông Năng	13	-	-

TT	Chùm ca bệnh	F0	F1	F2
33	Liên quan Fo Y Ngheo Mgiaio tại buôn Drah 2, Cư Né, Krông Buk	30	-	-
34	Liên quan ổ dịch Cửa hàng Văn Sỹ, TDP 6, TT Phước An	21	-	-
35	Liên quan chùm ca bệnh Buôn Biăp, xã Yang Tao, Lăk	11	-	-
36	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng, Fo Y Noan Niê và H Na Sa Niê tại buôn Dhu, Xã Ea Drông, Buôn Hồ	26	-	-
37	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng tại thôn 6, xã Cư Mlan, Ea Súp	18	-	-
38	Chùm ca bệnh tại Thị trấn Krông Năng	10	-	-
39	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Kjoh B, Ea Drông, Buôn Hồ	153	150	-
40	Liên quan Fo Nguyễn Văn An BN1155408 Buôn Ea Drich, Cư Pong, Krông Buk. Chùm cộng đồng, không rõ nguồn lây	24	-	-
41	Liên quan Fo H Bình Niê BN1076928 trong cộng đồng, chưa rõ nguồn lây. Tại buôn Kna B và Fo Bùi Lê Hoàng Nguyên BN1197511 tại Kna A, Kna B, Cư M'Gar. Lây sang chùm ca bệnh tại buôn Huk B, Huk A, Xã Cư M'Gar	114	-	-
42	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng Fo Nguyễn Văn Kiệt tại thôn 18B, Ea Bar, Buôn Đôn	12	-	-
43	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng, chưa rõ nguồn lây tại Buôn Mrông A, TT Ea Kar	12	-	-
44	Chùm ca bệnh trong cộng đồng tại Hòa Thắng, BMT. liên quan đến bệnh nhân dương tính Lưu Thị Lý	11	-	-
45	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng, chưa rõ nguồn lây tại Thôn Thành Công, Xã Hòa Hiệp, Cư Kuin	17	-	-
46	Chùm ca bệnh tại Buôn Kô Siêr, P. Tân Lập, BMT	98	-	-
47	Liên quan chùm ca bệnh tại Kim Châu, Dray Bhang, Cư Kuin. Chưa rõ nguồn lây, trong cộng đồng	9	-	-
48	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, xã Ea Tiêu, Cư Kuin	20	-	-
49	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại 102/18 Nguyễn Tất Thành, Tân Lập, BMT.	9	-	-
50	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại đường Hùng Vương, Tân Lập, BMT	26	-	-
51	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại TT Buôn Tráp, Krông Ana Fo trở về từ TP.HCM	20	-	-
52	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại TDP11, TT Phước An, Krông Pắc	22	-	-
53	Liên quan chùm ca bệnh F0 Phạm Văn Lươi, cách ly tại nhà tại buôn Yông B, Ea Drong, Cư M'Gar	6	-	-
54	Chùm ca bệnh NV trong KCLTT ĐH Luật, chưa rõ nguồn lây	9	-	-
55	Chùm ca bệnh tại 53/15/6 Lê Duẩn, Ea Tam, BMT	8	-	-
56	Liên quan chùm ca cộng đồng tại buôn Kniêt, xã Ea Ktur, Cư Kuin	45	-	-
57	NVYT khu điều trị COVID-19 bệnh viện ĐKV Tây Nguyên	5	-	-
58	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại Công ty TNHH Xuân Thiện, TT Ea Súp, Ea Súp	10	-	-
59	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại Ea Lê, Ea Súp	14	-	-
60	Liên quan chùm ca bệnh Fo Nguyễn Thị Tường Vy BN1244190 tại thôn 7, Cư Ni, Ea Kar	16	-	-
61	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng, Fo đầu tiên BN Y Kaly Êban BN1354411 tại buôn Ea Rang, Phường Khánh Xuân, BMT	45	-	-
62	Chùm ca bệnh tại thôn 1,3,5 xã Nam Ka, Lăk	43	-	-
63	Liên quan chùm ca bệnh thôn 18, xã Ea Riêng, M'Đrăk	21	-	-

TT	Chùm ca bệnh	F0	F1	F2
64	Nhân viên Khu điều trị BN COVID-19 BVĐK 333	3	-	-
65	Liên quan chùm ca bệnh tại Mạc Đình Chi, P Tân Tiến, BMT	10	-	-
66	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại buôn Hra Ea Tla, Dray Bhang, Cư Kuin	26	-	-
67	Chùm ca bệnh trong cộng đồng tại Ea Bêk, Cư Kuin	5	-	-
68	Chùm ca bệnh trong cộng đồng tại buôn Hluk, xã Ea Tiêu, Cư Kuin	29	-	-
69	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng chưa rõ nguồn lây. Fo Bn Mai Xuân Nhất, tại thôn 2, Ea Tu, BMT	12	-	-
70	Liên quan chùm ca bệnh NV kho giao hàng tiết kiệm tại thôn 2, Hòa Thuận, BMT	22	-	-
71	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 24, Ea Ning, Cư Kuin	10	-	-
72	Chùm ca bệnh cộng tại buôn Cuăh, xã Ea Na, Krông Ana. Fo Y Kuên Niê	55	-	-
73	Chùm ca bệnh buôn Mliêng 1, Đăk Liêng, Lăk	13	-	-
74	Chùm ca bệnh liên quan BN điều trị nội trú tại BVĐK Vùng Tây Nguyên	29	-	-
75	Liên quan chùm ca bệnh tại 237/13B Phan Chu Trinh, Tân Lợi, BMT	11	-	-
76	Liên quan đến chùm ca bệnh nhà máy xay Thu Hương, thôn 3, xã Quảng Điền, Krông Ana	61	-	-
77	Liên quan Fo Nguyễn Văn Quang, chùm ca bệnh cộng đồng tại thôn 8, Ea Khal, Ea H'leo	14	-	-
78	Liên quan Fo Nguyễn Văn Duy, chùm ca bệnh cộng đồng tại TDP 10, TT Ea Drăng, Ea H'leo	21	-	-
79	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng tại TDP 11, TT Ea Drăng, Ea H'leo	42	-	-
80	Chùm ca bệnh học sinh Trường DTNT Tây Nguyên	21	-	-
81	Chùm ca bệnh cộng đồng tại buôn Tuôr B, Xã Dray Sap, Krông Ana	14	-	-
82	Liên quan chùm ca bệnh tại TDP 5, P Thiện An, Buôn Hồ	10	-	-
83	Liên quan chùm ca bệnh tại 221 Mai Hắc Đế, Tân Thành, BMT	4	-	-
84	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dong Băk, xã Yang Tao, Lăk	16	-	-
85	Liên quan chùm ca bệnh tại Pai Bi, xã Đăk Nuê, Lăk Fo Y Song Pang Ting	65	-	-
86	Chùm ca bệnh tại Thôn 1, Hòa Phú, BMT	8	-	-
87	Chùm ca bệnh tại Buôn Đăk, xã Cư M'ra, huyện M'Đrăk	7	-	-
88	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Krông Pắc, xã Ea Kly, Krông Pắc	5	-	-
89	Chùm ca bệnh tại buôn Ea Na, Buôn Tư Lơ, xã Ea Na, Krông Ana	14	-	-

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/NHS/YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2	0								2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	3	5						11	1	20	20
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	20	29	3	6	5			12	8	83	205
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	14	20	2	3	3	1		21	7	71	71
5	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			5				5			10	36
6	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột						3	25	21		49	618
7	Thành phố Hồ Chí Minh	5	5				0				10	14
8	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2	0	0	0			0		0	2	202
9	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	3	8	8				0	6		25	75
10	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên	4	5				1				10	44
11	Khu cách ly Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên	4	6								10	10
12	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
13	Khu cách ly Dãy nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3		1							1	2	2
14	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk	3							5		8	8
15	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk	2	5						1		8	8
16	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên							0			0	28
17	Trường THPT DTNT N'Trang Long							0			0	70
18	Trường THCS Hòa Phú		0	0							0	40
TỔNG CỘNG		62	84	18	9	8	5	30	77	17	310	1496

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	53	84	18	9	8	3	0	0	15	190	664
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	10	6	1	3	1	0			0	21	81
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	11	13	1	0	1	1			6	33	73
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	9	2	8						1	20	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	3				0				4	24
1.6	Bệnh viện Y HCT		2		0	1				0	3	52
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar	0	5	0							5	53
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm			5	3						8	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	0	2								2	8
1.10	TTYT huyện Lắk	3	4								7	16
1.11	TTYT huyện Krông Pắc	0	2								2	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	1	3	0							4	17
1.13	TTYT huyện Krông Búk						0				0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	1
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		0								0	6
1.16	Bệnh viện Tâm thần	2	3			1					6	15
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2	0						0	3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng	0	2	0	0					0	2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	3	7			1					11	18
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	4
1.21	TTYT huyện Krông Ana		0								0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4	0	0					0	6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	9	15	2	3	3	1			7	40	46
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		6					0		1	7	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh	0									0	11
2.2	BVĐK Hòa Bình	2									2	2
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa. Phòng khám chuyên khoa....)	0	0		0						0	9
4	Cán bộ y tế hưu trí										0	0
5	Trường Đại học. Cao đẳng										0	0
5.1	Trường ĐH BMT	0	0	0	0	0	0	30	0	0	30	696
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên										0	283
5.3	Trường Cao đẳng Y tế							30			30	345
6	Bệnh viện Bạch Mai							0			0	68
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh	3	5							1	9	9
8	Tình nguyện viên						2				2	2
TỔNG CỘNG		58	89	18	9	8	5	30	77	16	310	1496